

Số: 621 / QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục 68 thuốc sản xuất trong nước
được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 186 bổ sung**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 68 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 5 năm - Đợt 186 bổ sung (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 03/2020/TT-BYT ngày 22/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 ban hành kèm theo Quyết định này có chứa dược chất thuộc nhóm sartan.

5. Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06 tháng

kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TỰ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐK (T) (02b).



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục
DANH MỤC 68 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 186 BỔ SUNG
(Kèm theo Quyết định số 621 /QĐ-QLD ngày 28 tháng 08 năm 2023
của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam)

1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định, Việt Nam)

1	Amikacin Bidiphar 500mg	Amikacin (dưới dạng amikacin sulfat) 500mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml; Hộp 10 ống x 2ml	BP2018	36	893110241323
---	----------------------------	---	----------------	--------------------------------------	--------	----	--------------

2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Danapha (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam)

2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Danapha (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam)

2	Danisetron	Granisetron (dưới dạng granisetron hydroclorid 1,12mg) 1mg	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 10 ống x 1ml	NSX	36	893110241423
---	------------	--	--	------------------	-----	----	--------------

3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Đồng Nai (Địa chỉ: Số 221 B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Việt Nam)

3.1 Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Đồng Nai (Địa chỉ: Số 221 B, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Việt Nam)

3	Donaesop	Esomeprazol (dưới dạng esomeprazole magnesium 8.5%) 20mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 2 vi x 8 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	DDVN V	36	893110241523
---	----------	--	----------------	--	--------	----	--------------

4. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Địa chỉ: Số 167, đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam)

4.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Địa chỉ: Số 167, đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam)

4	Efsolphab	Paracetamol 500mg, Codein phosphat hemihydrat 15mg	Viên nén sủi bột	Hộp 2 vi 4 viên; Hộp 5 vi x 4 viên; Hộp 10 vi x 4 viên; Hộp 1 túyp 5 viên; Hộp 1 túyp 10 viên; Hộp 1 túyp 15 viên; Hộp 1 túyp 20 viên	NSX	36	893111241623
---	-----------	---	---------------------	---	-----	----	--------------

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

5. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Khoa (Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

5.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Khoa (Địa chỉ: Nhà máy Dược phẩm DKPharma - Chi nhánh Bắc Ninh công ty Cổ phần Dược Khoa: Lô III-1.3, Đường D3, Khu công nghiệp Quế Võ 2, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam)

5	Dezoxi	Epinastin hydroclorid 0,05% (kl/tt)	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	NSX	24	893110241723
6	Tavulop 0.7	Olopatadin (dưới dạng Olopatadin hydroclorid 7,7mg/ml) 7mg/ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5 ml	NSX	24	893110241823

6. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: 601 Cách Mạng Tháng Tám, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

6.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2 (Địa chỉ: 930 C2, Đường C, KCN Cát Lái, Cụm II, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

7	F.T.Neuronvit	Cyanocobalamin 200mcg; Thiamin nitrat 100mg; Pyridoxin hydroclorid 200mg	Viên nén bao đường	Chai 50 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	893110241923
---	---------------	--	-----------------------	--------------------------------------	-----	----	--------------

7. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần dược phẩm Am Vi (Địa chỉ: Lô B14-3,4, đường N13, Khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

7.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần dược phẩm Am Vi (Lô B14-3,4, đường N13, Khu công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

8	Supoxim 100	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vi x 10 viên	NSX	24	893110242023
---	-------------	--	----------------	--------------------	-----	----	--------------

8. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

8.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: Lô C16, Đường số 9, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

9	Aeneas 10	Natri aescinat 10mg	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 10ml; Hộp 3 lọ + 3 ống dung môi 10ml; Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi 10ml	NSX	36	893110242123
---	-----------	------------------------	------------------------	---	-----	----	--------------

9. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương)

9.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
10	Cefalexin 250mg	Cefalexin (dưới dạng Cefalexin monohydrat) 250mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 60ml; Hộp 1 chai 100ml	NSX	24	893110242223

10. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

10.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

11	Aritear	Carbomer 0,2% (kl/kl)	Gel tra mắt	Hộp 20 ống x 0,6g; Hộp 1 ống 5g; Hộp 1 ống 10g	NSX	36	893100242323
12	Bupi-BFS 5.0	Bupivacain 5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 lọ x 2ml; Hộp 5 lọ x 4ml; Hộp 5 lọ x 5ml; Hộp 5 lọ x 10ml; Hộp 10 lọ x 2ml; Hộp 10 lọ x 4ml; Hộp 10 lọ x 5ml; Hộp 10 lọ x 10ml	NSX	24	893114242423
13	Dokitam	Levetiracetam 100mg/1ml	Dung dịch uống	Hộp 1 lọ 100ml	NSX	36	893110242523
14	Milrin-SB 0.15	Mỗi ml chứa Milrinon 0,15mg	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 Túi x 150 ml, Hộp 5 Túi x 150 ml, Hộp 10 Túi x 150 ml	NSX	36	893110242623
15	Novestra	Mỗi 1g chứa Estradiol (dưới dạng Estradiol hemihydrat) 0,6mg	Gel	Hộp 1 Lọ x 50 gam, Hộp 1 Lọ x 100 gam	NSX	24	893110242723
16	Sotylize	Sotalol hydroclorid 5mg	Dung dịch uống	Hộp 1 Lọ x 60 ml, Hộp 1 Lọ x 120 ml; Hộp 1 Lọ x 250 ml; Hộp 1 Lọ x 480 ml	NSX	30	893110242823
17	Uni - Rozetin	Azelastin hydroclorid 0,05%	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 2 vi x 5 ống x 0,5ml; Hộp 4 vi x 5 ống x 0,5ml; Hộp 2 vi x 5 ống x 1ml; Hộp 4 vi x 5 ống x 1ml	NSX	36	893100242923

11. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn (Địa chỉ: Đường YP6, Khu công nghiệp Yên Phong, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam)

11.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Gia Nguyễn (Địa chỉ: Đường YP6, Khu công nghiệp Yên Phong, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
18	Xylometazolin 0,05%	Xylometazolin hydroclorid 0,05% (5mg/10ml)	Thuốc nhỏ mũi	Hộp 1 lọ x 10ml	NSX	24	893110243023
19	Xylometazolin 0,1%	Xylometazolin hydroclorid 0,1% (15mg/15ml)	Thuốc xịt mũi	Hộp 1 lọ x 15ml	NSX	24	893110243123

12. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội (Địa chỉ: 170 đường La Thành - Đống Đa - Hà Nội, Việt Nam)

12.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội (Địa chỉ: Lô 15, Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội, Việt Nam)

20	Emerpill	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel bisulfat) 75mg; Acid acetylsalicylic 100mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110243223
----	----------	---	----------------------	---	-----	----	--------------

13. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Số 10A Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam)

13.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam)

21	Cefaclor suspension DHT 187/5	Mỗi 5ml hỗn dịch sau khi pha chứa cefaclor (dưới dạng cefaclor monohydrat) 187mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai chứa 12g thuốc bột pha hỗn dịch uống (tương ứng với 60ml hỗn dịch sau khi pha), Hộp 1 chai chứa 15g thuốc bột pha hỗn dịch uống (tương ứng với 75ml hỗn dịch sau khi pha), Hộp 1 chai chứa 18g thuốc bột pha hỗn dịch uống (tương ứng với 90ml hỗn dịch sau khi pha).	NSX	24	893110243323
22	Valengsv 0.1	Isotretinoin 1mg/1g	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp x 15g	NSX	36	893110243423

14. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Imexpharm (Địa chỉ: Số 04, đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp)

14.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm - Nhà máy Công nghệ Cao Bình Dương (Địa chỉ: Số 21, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
23	NaCl 0,9% 5 ml	Natri clorid 0,9%	Dung môi pha tiêm	Hộp 2 vi x 5 ống x 5ml; Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml; Hộp 20 vi x 5 ống x 5ml	BP hiện hành	36	893110243523
24	Ofloxacin 200mg/40mL	Mỗi chai 40ml chứa: Ofloxacin 200 mg	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 Túi x 1 Chai x 40 ml; Hộp 10 Túi x 1 Chai x 40 ml	Dược điển Ấn Độ hiện hành	24	893115243623

15. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

15.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

25	Gogo 200	Cefixim (dưới dạng cefixim trihydrat) 200mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 4g; Hộp 20 gói x 4g	NSX	36	893110243723
----	----------	---	--------------------------	-------------------------------------	-----	----	--------------

16. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú (Địa chỉ: Lô 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

16.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm (Địa chỉ: Lô 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

26	Kiến não - PPP	Cao khô đỉnh lăng (<i>Extractum Radix Polysciacis siccum</i>) 300mg (tương đương 3750mg rễ Đỉnh lăng); Cao khô Bạch quả (<i>Extractum Folii Ginkgo siccum</i>) 100mg (tương đương 4500mg lá Bạch Quả)	Thuốc cốm	Hộp 10 gói x 2g; Hộp 20 gói x 2g; Hộp 30 gói x 2g	NSX	36	893100243823
27	Ibuprofen - Paracetamol double tablets	Paracetamol 325mg; Ibuprofen 200mg	Viên nén	Hộp 25 vi x 4 viên; Hộp 5 vi x 20 viên; Hộp 1 chai 100 viên; Hộp 1 chai 200 viên; Hộp 1 chai 500 viên	NSX	36	893100243923

17. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông (Địa chỉ: Lô số 7, Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam)

17.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông (Địa chỉ: Lô số 7, Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
28	Novahexin 8	Bromhexin hydroclorid 8mg/ 5ml	Dung dịch uống	Hộp 10 ống x 5ml; Hộp 20 ống x 5ml; Hộp 30 ống x 5ml	NSX	36	893100244023

18. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

18.1 Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm SaVi (Địa chỉ: Lô Z01-02-03a, Khu Công nghiệp trong Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

29	SaViFovir	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg; Emtricitabin 200mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	893110244123
----	-----------	--	----------------------	--------------------	-----	----	--------------

19. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl (Địa chỉ: Lô Y01-02A Tân Thuận, KCN/KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

19.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl (Địa chỉ: Lô Y01-02A Tân Thuận, KCN/KCX Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

30	Cefopefast-S 3000	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 2000mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 1000mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	NSX	24	893110244223
----	----------------------	--	--------------	---------------------	-----	----	--------------

20. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam)

20.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (Địa chỉ: Thanh Xuân - Sóc Sơn - Hà Nội, Việt Nam)

31	Lanprasol 15	Lansoprazol 15mg	Viên nang cứng chứa pellets tan trong ruột	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 01 lọ x 14 viên	NSX	24	893110244323
----	--------------	---------------------	---	--	-----	----	--------------

21. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha (Địa chỉ: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

21.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương (Địa chỉ: Khu phố Tân Bình, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

32	Natri clorid 0,9%	Sodium chloride 0,9%	Dung dịch nhỏ mắt, mũi	Hộp 1 lọ 10ml; Hộp 10 lọ 10ml	ĐDVN V	36	893100244423
----	-------------------	-------------------------	---------------------------	----------------------------------	--------	----	--------------

22. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm TV.Pharm (Địa chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, khóm 2, phường 9, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam)

22.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm TV.Pharm (Địa chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, khóm 2, phường 9, Tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam)

33	Terpin-Codein 15	Terpin hydrat 100mg; Codein 15mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	893111244523
----	---------------------	--	----------------	--------------------	-----	----	--------------

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

23. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế (Địa chỉ: 31 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

23.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế (Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

34	Mebidestadin ODT 2,5	Desloratadin 2,5mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100244623
35	Mebidestadin ODT 5	Desloratadin 5mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100244723

24. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế (Địa chỉ: 31 Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

24.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế (Địa chỉ: Lô III-18, đường số 13, KCN Tân Bình, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

36	Melobic ODT 15	Meloxicam 15mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110244823
37	Melobic ODT 7.5	Meloxicam 7,5mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110244923
38	Pregabalin 200	Pregabalin 200mg	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 20 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110245023

25. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm VCP (Địa chỉ: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

25.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm VCP (Địa chỉ: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

39	Ibufen	Ibuprofen 5% (kl/kl)	Gel bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	NSX	36	893100245123
40	Skintason	Mometason furoat 0,1% (kl/kl)	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 5g ; Hộp 1 tuýp 15g ; Hộp 1 tuýp 30g	NSX	24	893100245223

26. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Wealphar (Địa chỉ: Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam)

26.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Wealphar (Địa chỉ: Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam)

41	Candesartan OD DWP 8mg	Candesartan Cilexetil 8mg	Viên nén phân tán	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110245323
42	Carvedilol DWP 10mg	Carvedilol 10mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110245423
43	Irbesartan OD DWP 200mg	Irbesartan 200mg	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110245523

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
44	Paraibu DWP 500mg/150mg	Paracetamol 500mg; Ibuprofen 150mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	NSX	36	893100245623
45	Racecadotril DWP 175mg	Racecadotril 175mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	NSX	36	893110245723

27. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược S.Pharm (Địa chỉ: Lô G, khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam)

27.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược S.Pharm (Địa chỉ: Lô G, khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam)

46	Siviron	Mỗi tuýp 10g chứa Betamethason dipropionat 100% 0,064%; Gentamycin (dưới dạng gentamycin sulfat tương đương 17mg) 0,1%; Clotrimazol 100% 1%	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp	NSX	24	893110245823
----	---------	---	------------	------------	-----	----	--------------

28. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex (Địa chỉ: 358 Giải Phóng, phường phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội)

28.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Trung ương Mediplantex (Địa chỉ: Nhà máy Dược phẩm số 2, thôn Trung Hậu, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội)

47	Tadalafil 20mg	Tadalafil 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 01 vi x 01 viên	NSX	36	893110245923
----	----------------	----------------	----------------------	---------------------	-----	----	--------------

Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương (Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam)

Cơ sở sản xuất: Nhà máy HDPharma EU - Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương (Địa chỉ: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam)

48	Suplizinc	Mỗi gói 3g chứa: Kẽm gluconat 70mg (tương đương 10mg kẽm)	Thuốc cốm	Hộp 10 gói; Hộp 15 gói; Hộp 25 gói; Hộp 30 gói	NSX	36	893110246023
----	-----------	---	-----------	--	-----	----	--------------

29. Cơ sở đăng ký: Công ty CP Dược Vật tư y tế Hà Nam (Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam)

29.1. Cơ sở sản xuất: Công ty CP Dược Vật tư y tế Hà Nam (Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
49	Emicin 3G	Fosfomycin (dưới dạng Fosfomycin trometamol) 3g/gói	Cốm pha dung dịch	Hộp 1 gói; Hộp 2 gói; Hộp 5 gói; Hộp 10 gói	NSX	36	893110246123
50	Lopecin	Levodropropizin 60mg/ml	Sỉ rô	Hộp 1 lọ 15ml; Hộp 1 lọ 30ml	NSX	24	893110246223
51	Piroxol sachet	Ambroxol hydroclorid 30mg	Cốm pha hỗn dịch	Hộp 12 gói; Hộp 20 gói; Hộp 24 gói	NSX	36	893100246323

30. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần O2pharm (Địa chỉ: 39/39 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

30.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Hóa Dược Việt Nam (Địa chỉ: Số 192 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

52	Ocoleflu	Mỗi 5ml chứa Paracetamol 120mg; Diphenhydramin hydroclorid 12,5mg	Dung dịch uống	Hộp 01 chai x 60ml; Hộp 01 chai x 100ml	NSX	24	893100246423
----	----------	--	----------------	--	-----	----	--------------

31. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Pymepharco (Địa chỉ: 166 – 170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam)

31.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Pymepharco (Địa chỉ: 166 – 170 Nguyễn Huệ, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam)

53	Itraconazole 100 mg	Itraconazole (dưới dạng vi hạt chứa itraconazole 22%) 100mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 4 viên	NSX	36	893110246523
----	------------------------	---	----------------	-------------------	-----	----	--------------

32. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Hali Việt Nam (Địa chỉ: Số 45, ngõ 376 Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam)

32.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Địa chỉ: 118 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam)

54	FEB9	Sắt fumarat 162mg (tương đương 53,25mg sắt nguyên tố); Acid folic 0,75mg; Vitamin B12 0,0075mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 100 viên	NSX	36	893100246623
----	------	--	----------------------	---	-----	----	--------------

33. Cơ sở đăng ký: Công Ty Cổ Phần Traphaco (Địa chỉ: Số 75 Phố Yên Ninh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam)

33.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên (Địa chỉ: Thôn Bình Lương - Xã Tân Quang - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
55	Trafagyl Denta	Metronidazol (dưới dạng Metronidazol benzoat) 1% (kl/kl); Chlorhexidin gluconat (dưới dạng dung dịch Chlorhexidin gluconat) 0,05% (kl/kl)	Gel bôi nha khoa	Hộp 1 tuýp x 10g	NSX	24	893105246723

34. Cơ sở đăng ký: Công ty Dược phẩm và Thương mại Phương Đông-(TNHH) (Địa chỉ: TS 509, tờ bản đồ số 01, Cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam)

34.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Dược phẩm và Thương mại Phương Đông-(TNHH) (Địa chỉ: TS 509, tờ bản đồ số 01, Cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam)

56	RobArthrot	Prednisolon 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên; Chai 200 viên; Chai 500 viên	NSX	36	893110246823
----	------------	-----------------	----------------------	---	-----	----	--------------

35. Cơ sở đăng ký: Công ty Liên doanh Meyer-BPC (Địa chỉ: Số 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam)

35.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Liên doanh Meyer-BPC (Địa chỉ: Số 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam)

57	Mypyter	Rebamipid 100mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 1g	NSX	36	893110246923
----	---------	--------------------	--------------------------	-----------------	-----	----	--------------

36. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH BRV Healthcare (Địa chỉ: Khu A, số 18, đường số 09, Ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

36.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare (Địa chỉ: Khu A, số 18, đường số 09, Ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

58	Acetylcystein	Acetylcystein 200mg/gói 1g	Thuốc cốm	Hộp 30 gói x 1g, hộp 60 gói x 1g	NSX	24	893100247023
----	---------------	-------------------------------	-----------	-------------------------------------	-----	----	--------------

37. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Địa chỉ: 118 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP. Hà Nội)

37.1 Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH MTV 120 Armephaco (Địa chỉ: 118 Vũ Xuân Thiều, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP. Hà Nội)

59	Omeprazol	Omeprazol (dưới dạng pellet bao tan trong ruột chứa omeprazol 8,5% kl/kl) 20 mg	Viên nang cứng	Hộp 1 lọ x 14 viên; Hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 25 vi x 4 viên	DĐVN V	36	893110247123
60	Vitamin B1	Thiamin nitrat 100 mg	Viên nén	Hộp 10 vi x10 viên	DĐVN IV	36	893110247223

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
61	Vitamn 3B	Thiamin mononitrat 100mg, Pyridoxin hydroclorid 200mg, Cyanocobalamin 200µg (mcg)	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110247323

38. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy (Địa chỉ: Khu công nghiệp Công nghệ cao I, Khu công nghệ Cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

38.1 Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy (Địa chỉ: Khu công nghiệp Công nghệ cao I, Khu công nghệ Cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

62	Fegamed 5	L-ornithin L- aspartat 5g/ 10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 10ml; Hộp 10 ống x 10ml	NSX	24	893110247423
----	-----------	------------------------------------	----------------	--	-----	----	--------------

39. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam (Địa chỉ: 3A Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam)

39.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

63	Profentana	Ibuprofen 400 mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893100247523
----	------------	---------------------	----------------------	---------------------	-----	----	--------------

40. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Tín (Địa chỉ: 925 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

40.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận (Địa chỉ: 192 Nguyễn Hội, Phường Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam)

64	Bearuso	Ursodeoxycholic acid 400mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 Viên, Hộp 5 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	BP 2020	36	893110247623
----	---------	-------------------------------	----------------	---	---------	----	--------------

41. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH thương mại dược phẩm Quang Anh (Địa chỉ: 69/4/41 Đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

41.1. Cơ sở sản xuất: Công ty CP Dược Vật tư y tế Hà Nam (Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, phường Hoàng Đông, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Việt Nam)

65	Nacofen DT	Nabumeton 1000mg	Viên nén phân tán	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 2 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110247723
66	Btozka	Acid Thiocctic 300mg	Viên nang mềm	Hộp 1 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	893110247823
67	Ttvonaf 600	Acid Thiocctic 600mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên	NSX	36	893110247923

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

42. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Thương mại và dược phẩm Hoàng Gia (Địa chỉ: A23, Ngõ 9, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội)

42.1. Cơ sở sản xuất: Công ty CP DP Me Di Sun (Địa chỉ: Số 521, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương)

68	Remgaba	Pregabalin 20mg/ml	Dung dịch uống	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2,5ml; Hộp 2 vỉ x 5 ống x 5ml	NSX	36	893110248023
----	---------	-----------------------	----------------	--	-----	----	--------------

Ghi chú:

Cách ghi tiêu chuẩn chất lượng thuốc tại cột (6):

- Nhà sản xuất (NSX), Tiêu chuẩn nhà sản xuất (TCNSX), Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS), In-house có ý nghĩa tương đương nhau, là tiêu chuẩn chất lượng thuốc do cơ sở sản xuất xây dựng và đều có thể được ghi trên nhãn thuốc.

- Cách viết tắt các tiêu chuẩn chất lượng dược điển: Dược điển Việt Nam (ĐDVN), Dược điển Anh (BP), Dược điển Mỹ (USP), Dược điển Nhật Bản (JP), Dược điển Trung Quốc (CP), Dược điển Châu Âu (EP), Dược điển Quốc tế (IP)...